TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 9 – 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2023/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Kim L, sinh năm 1990; Đăng ký thường trú: Số nhà 19AT, đường C, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên hệ: Số nhà 15, hẻm 7, ấp B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Mênh L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 19AT, đường C, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2023 và biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Lâm Mênh L kết hôn với với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào tháng 4/2009. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2016, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và ông bà sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 02 (hai) người

con chung tên Lâm Thị Trúc L, sinh ngày 14/9/2009 và Lâm Thị Trúc L, sinh ngày 16/10/2011. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại đơn khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lâm Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Mênh L.

- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Trúc L, Lâm Thị Trúc L và không yêu cầu ông Lâm Mênh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông Lâm Mênh L. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án ông Lâm Mênh L cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lâm Mênh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Kim L, ông Lâm Mênh L và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Kim L và ông Lâm Mênh L tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố

S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Kim L và ông Lâm Mênh L là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Lâm Thị Kim L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Lâm Thị Kim L cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2016, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, cuộc sống chung không được hạnh phúc. Ông bà không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S đã thông báo hợp lệ cho ông Lâm Mênh L biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L cung cấp. Ông Lâm Mênh L không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết , sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Lâm Mênh L không đến tham gia và bà Lâm Thị Kim L vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị Kim L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lâm Thị Kim L được ly hôn với ông Lâm Mênh L.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Lâm Thị Kim L và ông Lâm Mênh L sinh được 02 (hai) người con chung là Lâm Thị Trúc L (nữ, sinh ngày 14/9/2009) và Lâm Thị Trúc L (nữ, sinh ngày 16/10/2011). Bà Lâm Thị Kim L yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Trúc L và Lâm Thị Trúc L cho đến khi các cháu thành niên (cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Lâm Thị Trúc L và Lâm Thị Trúc L (*Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/8/2023 - bút lục số 21, 22*)). Xét thấy trong thời gian ông bà sống ly thân với nhau, cháu Lâm Thị Trúc L và Lâm Thị Trúc L vẫn chung sống với bà Lâm Thị Kim L. Các cháu được chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh bình thường. Nhằm đảm bảo cuộc sống cho cháu Lâm Thị Trúc L và Lâm Thị Trúc L ổn định về mọi mặt, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển của các cháu. Mặt khác, ông Lâm Mênh L cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Lâm Thị Kim L. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bà Lâm Thị Kim L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Thị Trúc L và Lâm Thị Trúc L cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị Kim L khẳng định đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Thị Trúc L, Lâm Thị Trúc L và không yêu cầu ông Lâm Mênh L cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Lâm Mênh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Kim L xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Lâm Thị Kim L xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lâm Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Ông Lâm Mênh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Kim L và ông Lâm Mênh L được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lâm Thị Kim L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lâm Thị Trúc L (nữ, sinh ngày 14/9/2009) và Lâm Thị Trúc L (nữ, sinh ngày 16/10/2011) cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Lâm Mênh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Ông Lâm Mênh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Lâm Thị Trúc L và Lâm Thị Trúc L mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Kim L xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lâm Thị Kim L xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008747 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lâm Thị Kim L đã nộp xong án phí. Ông Lâm Mênh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Lâm Thị Kim L và ông Lâm Mênh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND thành phố S;*
- *CC THADS thành phố S;*
- *Các đương sự;*
- *UBND Phường B, thành phố S,tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lệ Hằng